

KẾ HOẠCH

Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế

Thực hiện Công văn số 1203/BNV-TH ngày 21/3/2019 và Kế hoạch số 1204/KH-BNV ngày 21/3/2019 của Bộ Nội vụ về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 98/2014/NĐ-CP), Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Đánh giá đầy đủ, khách quan tình hình triển khai, kết quả thực hiện và những khó khăn vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh và tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, từ đó, làm rõ nguyên nhân, tìm ra giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập và kiến nghị các giải pháp phù hợp.

b) Tăng cường trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước; trách nhiệm của tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc hướng dẫn, giúp đỡ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thành lập tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức, để doanh nghiệp hoạt động ổn định và phát triển; đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động tại doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

a) Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

b) Bảo đảm đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện tình hình thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP, tập trung làm rõ bất cập, hạn chế, vướng mắc để đề xuất các giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 98/2014/NĐ-CP.

II. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. **Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP tại các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức Đảng; tổ chức chính trị - xã hội** (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương):

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; ban hành các văn bản chỉ đạo, ban hành các văn bản hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện quy định thành lập tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội;

b) Công tác quán triệt, tổ chức tuyên truyền, phổ biến về Nghị định số 98/2014/NĐ-CP và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Tình hình thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thành lập tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội (theo Điều 6, 7 Nghị định số 98/2014/NĐ-CP);

d) Kết quả cụ thể việc thành lập tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đóng trên địa bàn huyện, thành phố; thống kê số liệu thành lập tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

đ) Công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thành lập tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp (đối với tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội);

e) Công tác phối hợp của cơ quan quản lý nhà nước với tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc hướng dẫn, tạo điều kiện để doanh nghiệp thành lập tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội.

2. **Đánh giá chung kết quả thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP; nêu rõ những điểm nổi bật, hạn chế tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc, bài học kinh nghiệm;**

3. **Đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền về tiếp tục bổ sung, hoàn thiện pháp luật quy định về thành lập tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; các giải pháp có hiệu quả việc thành lập tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; tổng hợp những kiến nghị, đề xuất cụ thể của doanh nghiệp;**

4. **Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có thành tích tiêu biểu trong 05 năm tổ chức thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP.**

III. HÌNH THỨC SƠ KẾT VÀ THỜI GIAN GỬI BÁO CÁO

1. **Hình thức sơ kết:** Căn cứ điều kiện cụ thể các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định hình thức sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-

CP phù hợp với điều kiện, tình hình tại cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp.

2. Thời gian gửi báo cáo: Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo sơ kết và hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 7 năm 2019.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp: Đánh giá tình hình và kết quả 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-Cp thông qua đánh giá việc thực hiện các nội dung quy định tại Điều 7 Nghị định số 98/2014/NĐ-CP; công tác lãnh đạo của các cấp ủy đảng, các đoàn thể trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh tại Chỉ thị số 38-CT/TU ngày 29/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP theo nội dung sơ kết tại mục II Kế hoạch này; thống kê số liệu (theo phụ lục 1, 2 gửi kèm).

b) Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP theo nội dung sơ kết tại mục II Kế hoạch này; thống kê số liệu thuộc lĩnh vực của cơ quan, đơn vị (theo phụ lục 1 gửi kèm).

3. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có thành tích tiêu biểu trong 05 năm triển khai thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương về hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng theo quy định.

4. Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh: Đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP theo nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 98/2014/NĐ-CP về các khoản chi hỗ trợ của doanh nghiệp cho tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội để phục vụ hoạt động được tính là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hòa Bình tổ chức tuyên truyền, đưa tin về các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, địa phương tiêu biểu trong thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP.

Trên đây là Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
 - Liên đoàn Lao động tỉnh;
 - Hội Cựu chiến binh tỉnh;
 - Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh;
 - Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
 - Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
 - Cục thuế tỉnh;
 - Các sở: Nội vụ; Tài chính;
- Kế hoạch và Đầu tư; Thông tin và Truyền thông;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
 - Báo Hòa Bình;
 - Chánh VP, Phó VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NC (V40b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG.....

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

(Số liệu thống kê tính đến 31 tháng 12 năm 2018)

(Kèm theo Kế hoạch số 115 /KH-UBND ngày 19/ 6 /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

STT	Doanh nghiệp	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
			Siêu nhỏ	Nhỏ	Vừa	Lớn	
I	Doanh nghiệp có vốn trong nước						
1	Doanh nghiệp thành lập theo Luật Hợp tác xã						
2	Doanh nghiệp tư nhân						
3	Công ty hợp danh						
4	Công ty TNHH tư nhân						
5	Công ty cổ phần tư nhân						
6	Công ty cổ phần, TNHH trong đó Nhà nước sở hữu từ dưới 50% vốn điều lệ trở xuống						
II	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
1	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài						
2	Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài						
	Tổng cộng						

